TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/DS-ST
Ngày: 16 - 02 - 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Hoài Yên.

Ông Trần Hoàng Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 157/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 348/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Hồng S, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Mai Hồng S: Ông Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1975 (có mặt).

Cùng cư trú: Khóm B, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

Bị đơn: Bà Trần Thị T (vắng mặt).

Ông Nguyễn Chí H (vắng mặt).

Cùng cư trú: Khóm B, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/4/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Trước đây, bà Mai Hồng S có cho vợ chồng bà Trần Thị T và ông Nguyễn Chí H mượn số tiền 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng), cụ thể như sau:

- Ngày 13/10/2018, bà Mai Hồng S có cho vợ chồng bà Trần Thị T và ông Nguyễn Chí H mượn 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

- Ngày 19/10/2018, bà Mai Hồng S có cho vợ chồng bà Trần Thị T và ông Nguyễn Chí H mượn 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

- Ngày 30/10/2018, bà Mai Hồng S có cho vợ chồng bà Trần Thị T và ông Nguyễn Chí H mượn 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

- Ngày 01/4/2019, bà Mai Hồng S có cho vợ chồng bà Trần Thị T và ông Nguyễn Chí H mượn 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

- Ngày 18/11/2019, bà Mai Hồng S có cho vợ chồng bà Trần Thị T và ông Nguyễn Chí H mượn 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Bà Mai Hồng S đã yêu cầu bà Trần Thị T và ông Nguyễn Chí H trả tiền nhiều lần nhưng bà Trần Thị T và ông Nguyễn Chí H cứ hứa hẹn mà không trả.

Ngày 28/01/2021, bà Mai Hồng S khởi kiện bà Trần Thị T và ông Nguyễn Chí H ra Tòa án nhân dân huyện Phú Tân yêu cầu trả nợ. Ngày 20/01/2021, bà Trần Thị T và ông Nguyễn Chí H thỏa thuận yêu cầu bà Mai Hồng S rút đơn và cam kết trả nợ cho bà Mai Hồng S. Ngoài ra, bà Trần Thị T và ông Nguyễn Chí H có giao thêm sổ Bảo hiểm xã hội đứng tên Trần Thị T để bà Mai Hồng S làm tin. Cũng trong thời gian này bà Trần Thị T và ông Nguyễn Chí H trả được 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng). Như vậy, bà Trần Thị T và ông Nguyễn Chí H còn nợ lại bà Mai Hồng S 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

Vì vậy, bà Mai Hồng S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị T và ông Nguyễn Chí H trả tổng số tiền mượn còn nợ là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

Bị đơn là bà Trần Thị T và ông ông Nguyễn Chí H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:*

Bà Mai Hồng S kiện yêu cầu bà Trần Thị T và ông Nguyễn Chí H trả tiền nợ đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Chí H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại

khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với bà Trần Thị T và ông Nguyễn Chí H.

[2]. *Về nội dung:*

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng bà Trần Thị T và ông Nguyễn Chí H còn nợ tổng số tiền là 80.000.000 đồng. Cụ thể: Ngày 13/10/2018, bà Mai Hồng S có cho vợ chồng bà Trần Thị T và ông Nguyễn Chí H mượn 50.000.000 đồng; ngày 19/10/2018, bà Mai Hồng S có cho vợ chồng bà Trần Thị T và ông Nguyễn Chí H mượn 20.000.000 đồng; ngày 30/10/2018, bà Mai Hồng S có cho vợ chồng bà Trần Thị T và ông Nguyễn Chí H mượn 20.000.000 đồng; ngày 01/4/2019, bà Mai Hồng S có cho vợ chồng bà Trần Thị T và ông Nguyễn Chí H mượn 20.000.000 đồng; ngày 18/11/2019, bà Mai Hồng S có cho vợ chồng bà Trần Thị T và ông Nguyễn Chí H mượn 50.000.000 đồng.

Tất cả các lần mượn nợ đều có viết và ký tên biên nhận (05 biên nhận) giao cho bà Mai Hồng S giữ. Ngày 28/01/2021, bà Mai Hồng S khởi kiện bà Trần Thị T và ông Nguyễn Chí H yêu cầu trả nợ. Ngày 20/01/2021, bà Trần Thị T và ông Nguyễn Chí H thỏa thuận yêu cầu bà Mai Hồng S rút đơn và cam kết trả nợ cho bà Mai Hồng S.

[3]. Bà Mai Hồng S có cung cấp 05 tờ giấy nhận nợ đề các ngày13/10/2018, ngày 19/10/2018, ngày 30/10/2018, ngày 01/4/2019 và ngày 18/11/2019 do bà Trần Thị T tự viết và ký tên. Như vậy, căn cứ vào các biên nhận nêu trên thì bà Trần Thị T còn nợ bà Mai Hồng S tổng số tiền là 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng). Đã qua, bà Trần Thị T và ông Nguyễn Chí H trả được 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng). Như vậy, bà Trần Thị T và ông Nguyễn Chí H còn nợ lại bà Mai Hồng S 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

Việc bà Mai Hồng S khởi kiện buộc bà Trần Thị T và ông Nguyễn Chí H trả số tiền còn nợ 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[4]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Trần Thị T và ông Nguyễn Chí H vắng mặt nhiều lần, không cung cấp lời khai chứng cứ cho Tòa án xem xét.

[5]. Nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên ông Nguyễn Chí H phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà Trần Thị T trả cho bà Mai Hồng S như nội dung bà Mai Hồng S đã yêu cầu.

[6]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, có căn chứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Mai Hồng S.

[7]. Về án phí: Do yêu cầu của Mai Hồng S được chấp nhận nên bà Mau Hồng Sương không phải chịu án phí. Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Chí H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Áp dụng các điều 463, 468 của Bộ luật Dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Hồng S.

Buộc bà Trần Thị T và ông Nguyễn Chí H cùng liên đới trả cho Mai Hồng S số tiền nợ là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Trần Thị T và ông Nguyễn Chí H cùng liên đới chịu 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

Bà Mai Hồng S được nhận lại số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tại Biên lai số 0012337 ngày 19/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Phước